

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG THỊ NẠI**
Số: 39 /CTN-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
Năm báo cáo: **2018**

I- Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4100259282
- Vốn điều lệ : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Địa chỉ : 02 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại : 0256.3891667-3892991
- Fax : 0256.3892097
- Website : thinaiport.com.vn
- Email : thinaiport@vnn.vn - thinaiportqn@gmail.com
- Mã cổ phiếu : TNP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

-Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 05/01/1994 của UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở tách từ đơn vị hạch toán nội bộ của Công ty Vận tải biển - Xuất nhập khẩu Bình Định thành một DNNN trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Bình Định, có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo luật DNNN, đất đai thuộc Bộ quốc phòng.

-Năm 2003 mới được Bộ Giao thông Vận tải cho phép làm hàng tàu quốc tế. Tháng 9/2007, Bộ Quốc phòng giao chủ quyền đất đai cho Tỉnh và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

-Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 chuyển cảng Thị Nại làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Bình Định để thực hiện cổ phần hoá.

-Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Cảng Thị Nại và chính thức hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2010.

- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Thị Nại và

hoàn thành công tác thoái hết vốn nhà nước vào ngày 19/05/2015. Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần không còn vốn sở hữu của Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử; Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: Mua bán khoáng sản.

-Địa bàn kinh doanh : TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Giám đốc; Các phòng chức năng: Kinh doanh, Điều độ và xếp dỡ, Kế toán, Kỹ thuật, Tổ chức hành chính; các tổ đội sản xuất: Cơ giới, Giao nhận, Bốc xếp, bảo vệ, thu phí CSHT và Xưởng Sửa chữa.

5. Định hướng phát triển

Năm 2019, dự báo kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục duy trì đà phát triển khá và thu hút thêm nhiều nguồn đầu tư đặc biệt là từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và từ khu vực kinh tế tư nhân nhờ môi trường đầu tư được cải thiện theo hướng tạo điều kiện mạnh mẽ cho khu vực kinh tế tư nhân và thu hút thêm đầu tư nước ngoài. Những biện pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu trong những năm qua đang tiếp tục được thực hiện sẽ giúp hệ thống tài chính cải thiện mức độ minh bạch và lành mạnh, nâng cao khả năng đáp ứng tín dụng cho hoạt động sản xuất và đầu tư. Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá từ những dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và khu vực kinh tế tư nhân sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Một số thách thức lớn có thể phát sinh như năng suất lao động tăng chậm hơn so với các

quốc gia trong khu vực, chi phí sản xuất và nhân công lao động tăng cao và tăng trưởng đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ chững lại, có thể khiến cho tốc độ tăng trưởng tiềm năng của Việt Nam yếu đi.

Thị trường dịch vụ cảng biển tại khu vực Quy Nhơn dự báo tiếp tục có dấu hiệu tích cực hơn vào năm 2019. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như nông sản, dăm gỗ, sản phẩm gỗ .. đã có sự hồi phục về giá xuất khẩu, các nhà máy sản xuất công nghiệp trong tỉnh đi vào hoạt động ổn định, đặc biệt các nhà máy thức ăn gia súc tiếp tục được đầu tư mở rộng về quy mô và tăng công suất.

Đối với Cảng Thị Nại, chúng ta hiện đang có được một lượng khách hàng truyền thống, ổn định và đạt được thị phần nhất định tại khu vực. Do đó, sản lượng của một số mặt hàng như xi măng, tinh bột sắn ... sẽ tiếp tục ổn định; và dự kiến sản lượng các nhóm hàng như nguyên liệu thức ăn gia súc, đá granite, clinke, titan... sẽ tiếp tục phát triển tốt và là động lực tăng trưởng chủ yếu về sản lượng thông qua cảng. Tuy nhiên, vì đặc thù là cảng khai thác hàng rời đơn thuần, bị ảnh hưởng rất lớn bởi tình hình thời tiết cùng với tình trạng cạnh tranh gay gắt về giá cả, đầu tư nâng cấp cầu cảng, trang thiết bị xếp dỡ từ các cảng trong khu vực, sản lượng thông qua Cảng Thị Nại sẽ bị ảnh hưởng mạnh trong năm 2019.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, trong thời gian đến Cảng Thị Nại sẽ tiếp tục trình các cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi nằm trên các tuyến QL1, QL19 là vùng hậu phương của cảng, theo quy hoạch chung của tỉnh Bình Định, nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết thông quan hàng hóa qua cảng trong điều kiện kho bãi tại cảng hạn chế và đã quá tải.

Đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên, cần tiếp tục ổn định công tác tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý, sản xuất phù hợp với yêu cầu thực tế; chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với lực lượng lao động trực tiếp, cần tuyển đủ số lượng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ý thức tổ chức kỷ luật, đây là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng dịch vụ và năng suất làm hàng mà Công ty cam kết với khách hàng.

Từng bước xây dựng hệ thống quản trị, chuẩn hóa các quy trình, quy định công tác; nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, đổi mới lề lối làm việc, khuyến khích cán bộ nhân viên trong Công ty không ngừng tự học tập nâng cao trình độ, xây dựng Công ty thành một tập thể ngày càng vững mạnh, đoàn kết; Tạo môi trường và phong cách làm việc mang tính chuyên nghiệp cao.

Phát động các phong trào thi đua trong lao động sản xuất và công tác, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nhằm nâng cao năng suất, đảm bảo an toàn lao động và an toàn thiết bị. Tiến hành sơ kết, tổng kết và khen thưởng, động viên kịp thời.

Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, duy trì các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV-LĐ.

Tiếp tục kiểm định, thẩm tra nâng cấp cầu cảng 5.000 DWT lên 7.000 DWT. Xây dựng quy trình bảo trì cầu cảng, nạo vét vùng nước trước bến.

Đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị, công cụ xếp dỡ, đảm bảo năng suất làm hàng ở Cảng, nhất là hàng rời, hàng thùng; Tiếp tục phát huy sáng kiến, cải tiến một số công cụ xếp dỡ... góp phần tăng năng suất, giảm giá thành sản xuất.

Xây dựng mối quan hệ gắn kết bền vững với các khách hàng truyền thống, thân thiết để đảm bảo sản lượng theo kế hoạch và từng bước mở rộng, kết nối thêm nhiều khách hàng mới theo lợi thế cạnh tranh của Công ty để gia tăng sản lượng và doanh thu.

Tăng cường và nâng cao trách nhiệm của mỗi nhân viên hiện trường. Tăng cường công tác giải phòng tàu nhanh để đạt và vượt sản lượng kế hoạch. Thường xuyên kiểm tra,

6. Các rủi ro

- Hoạt động kinh doanh ngành dịch vụ cảng biển phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của địa phương và khu vực, kinh tế phát triển thì hàng hoá thông qua cảng càng nhiều, nếu ngược lại sẽ ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các mục tiêu của Công ty đã đề ra.

- Giá cả vật tư, nhiên liệu,... biến động bất thường theo xu hướng tăng, ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức của doanh nghiệp.

- Khu vực phát triển thêm nhiều cảng biển dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, không lành mạnh. Công ty không có lợi thế so với các cảng khác nên độ rủi ro cao.

- Tình hình khí hậu và thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp trong khi công ty xếp dỡ chủ yếu là hàng rời, hàng bao dẫn đến phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Đây cũng là một nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra

II – Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2018 tăng 7.08%, là năm kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm trở lại đây và vượt qua mọi dự báo từ đầu năm. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.

Trong bối cảnh có nhiều tác động tích cực chung của môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong năm 2018, kinh tế Bình Định tiếp tục đà phục hồi và đạt mức tăng trưởng trên 7,32%. Năm 2018, giá trị nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,99%, công nghiệp - Xây dựng tăng 9,03%, dịch vụ tăng 7,38%. Riêng sản lượng hàng hóa thông qua Cụm cảng biển Quy Nhơn ước tăng gần 14% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đối với hoạt động của các doanh nghiệp cảng biển tại Cụm cảng biển Quy Nhơn nói chung và Cảng Thị Nại nói riêng vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chính bao gồm: sự chuyển dịch thị trường xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực và trên thế giới;

sự thay đổi cơ cấu mặt hàng, phương thức, lĩnh vực sản xuất kinh doanh và diễn biến tình hình thời tiết khá thuận lợi trong năm 2018. Cụ thể đối với Cảng Thị Nại, cơ cấu các mặt hàng thông qua cảng có sự thay đổi rõ rệt. Trong đó, hàng nông sản, xi măng và tinh bột đều giảm, nhưng mặt hàng thức ăn gia súc rời, mặt ri và đá granite đóng kiện lại tăng. Ngoài ra, việc Cảng Thị Nại có điều chỉnh đơn giá xếp dỡ một số mặt hàng đóng bao như tinh bột, đường, xi măng và đá kiện... cao hơn các cảng khác cũng là một yếu tố tác động lớn đến sản lượng cũng như doanh thu năm 2018, tuy nhiên với sự nỗ lực, phấn đấu của HĐQT, BĐH và toàn thể CBCNV Công ty nên đã đạt được hiệu quả kinh doanh nhất định, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Hoàn thành (%)
1	Sản lượng hàng thông qua cảng (Tấn)	1.100.000	1.049.791	95,45
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	50.000	50.043	100,09
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	11.500	8.579	74,60
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (triệu đồng)	2.300	1.705	74,13
5	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	9.200	6.873	74,71
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	1.296	920	70,98
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	12,96	9,68	74,69
8	Tỷ lệ cổ tức/năm (%)	11	9	81,82

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành:

- + Giám đốc: Đồng Thị Ánh
 - Số CMND: 210270691 , ngày cấp: 06/02/2009, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 89 Mai Xuân Thưởng, phường Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 15/11/2015

- + Phó Giám đốc kinh doanh: Hồ Liên Nam
 - Số CMND: 211516826 , ngày cấp: 16/07/2007, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 162 Diên Hồng, P. Ngô Mây, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 11/11/2015

- + Phó Giám đốc kỹ thuật: Nguyễn Văn Thi
 - Số CMND: 210132576 , ngày cấp: 23/11/2001, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 06 Đình Bộ Lĩnh, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 04/08/2015
 - Cổ phần sở hữu : 12.600 cổ phần Tỷ lệ : 0,177%

- + Phó Giám đốc sản xuất: Trương Thanh Bình
 - Số CMND: 210002136 , ngày cấp: 18/11/2014, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: Tổ 51, KV.10, P. Hải Cảng, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 20/01/2018

- + Phó Giám đốc đầu tư và phát triển dự án : Lâm Đình An
 - Số CMND: 210547514 , ngày cấp: 22/02/2013, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 89 Mai Xuân Thưởng, phường Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/12/2018

- + Kế toán trưởng: Đồng Thị Quỳnh Hương
 - Số CMND: 211750808 , ngày cấp: 08/05/2003, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 78 Bà Triệu, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/11/2013
 - Cổ phần sở hữu : 23.040 cổ phần Tỷ lệ : 0,32%

b. Số lượng cán bộ, công nhân viên: 205 người

- + Các phòng chức năng:
 - Phòng Kinh doanh: 4 người
 - Phòng Kế toán: 5 người
 - Phòng Tổ chức - hành chính: 8 người
 - Phòng Kỹ thuật: 3 người
 - Phòng Điều độ và xếp dỡ 13 người (trong đó có 6 nhân viên điều độ và 2 quản lý đội Bốc xếp)
- + Các bộ phận trực tiếp sản xuất:
 - Xưởng sửa chữa: 6 người
 - Tổ Công cụ: 5 người
 - Tổ thu phí CSH: 3 người
 - Đội Bảo vệ: 13 người
 - Đội Cơ giới: 18 người
 - Đội Giao nhận: 14 người
 - Đội Bốc xếp: 113 người

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

DVT : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So sánh 2017 (%)
Tổng giá trị tài sản	116.736.360.604	107.086.187.846	91,73

Doanh thu thuần	44.164.096.054	50.043.837.944	113,31
Lợi nhuận khác	407.769.167	-550.778.671	0
Lợi nhuận trước thuế	7.544.575.004	8.579.380.533	113,72
Lợi nhuận sau thuế	5.915.397.713	6.873.444.615	116,20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	775	920	118,71

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	0,52	0,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,51	0,30	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	31,21	24,09	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	45,38	31,73	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	129,33	302,22	
+ Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) (%)	37,83	46,73	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) (%)	13,39	13,73	
+ Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE) (%) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)	8,33	8,46	
+ Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	5,07	6,42	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Dthu thuần (%)	16,16	18,24	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Loại cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần 7.1000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng hợp theo danh sách tại ngày 31/12/2018 như sau

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1-Số lượng cổ đông		7.100.000	100
2-Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng cổ phần)		6.347.410	89,40
3-Cổ đông tổ chức		5.349.078	75,34
4-Cổ đông cá nhân		1.750.922	14,75
5-Cổ đông trong nước		7.100.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 hoạt động kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, tuy bến cập tàu 10.000 DWT đưa vào khai thác, thiết bị xếp dỡ tuy có đầu tư mới nhưng bến cập tàu 5.000DWT bị tạm ngừng khai thác để sửa chữa nên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu kinh doanh, bỏ lỡ nhiều cơ hội để cạnh tranh thu hút khách hàng. Đồng thời thời tiết mưa bão nhiều, sản lượng hàng trong khu vực cũng như toàn quốc giảm nên sản lượng tăng không đáng kể, hiệu quả kinh tế chưa cao, đời sống thu nhập của CBCNV còn thấp so với các cảng trong cùng khu vực.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

	ĐVT : đồng			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm (phân loại lại)	64.842.615.022	40.666.176.744	1.330.641.861	106.839.433.627
Tăng trong năm	-	862.536.364	-	862.536.364
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.334.665.964	-	-	5.334.665.964
Thanh lý, nhượng bán	363.730.050	-	-	363.730.050
Số dư cuối năm	69.813.550.936	41.528.713.108	1.330.641.861	112.672.905.905
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm (phân loại lại)	19.298.516.368	13.719.037.432	238.802.858	33.256.356.658
Khấu hao trong năm	2.226.781.994	3.219.752.574	180.442.956	5.626.977.524

